



Trắc nghiệm PLDC #2 - Azota

Pháp Luật Đại Cương (Industrial University of Ho Chi Minh City)



Scan to open on Studocu

Câu 1: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin thì nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện Nhà nước là:

- A. Do có sự phân công lao động trong xã hội
- B. Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội.
- C. Do con người trong xã hội phải hợp sức lại để đắp đê, chống bão lụt, đào kênh làm thủy lợi hay chống giặc ngoại xâm.
- D. Do ý chí của con người trong xã hội.

Câu 2: Hình thái kinh tế – xã hội nào là chưa có Nhà nước?

- A. Hình thái kinh tế – xã hội Cộng Sản chủ nghĩa
- B. Hình thái kinh tế – xã hội Cộng Sản nguyên thủy
- C. Hình thái kinh tế – xã hội Tư bản chủ nghĩa
- D. Hình thái kinh tế – xã hội Chiếm hữu nô lệ

Câu 3: Tổ chức Thị tộc trong xã hội Cộng Sản nguyên thủy là:

- A. Một xã hội độc lập
- B. Một tập đoàn người có cùng quan hệ huyết thống
- C. Một tập đoàn người không có cùng quan hệ huyết thống
- D. Một tổ chức độc lập

Câu 4: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lenin về Nhà nước thì:

- A. Nhà nước là hiện tượng tự nhiên
- B. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử
- C. Nhà nước là hiện tượng vĩnh cửu, bất biến
- D. Nhà nước là hiện tượng xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện, tồn tại của lịch sử xã hội loài người

Câu 5: Khi nghiên cứu về nguồn gốc Nhà nước, thì khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Nhà nước ra đời, tồn tại trong xã hội có giai cấp
- B. Thời kì xã hội loài người chưa có giai cấp, thì Nhà nước chưa xuất hiện
- C. Nhà nước ra đời, tồn tại cùng với lịch sử xã hội loài người
- D. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử

Câu 6: Khi nghiên cứu về bản chất nhà nước thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội
- B. Bất cứ nhà nước nào cũng chỉ là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác
- C. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất xã hội rõ nét hơn bản chất giai cấp
- D. Bất cứ nhà nước nào cũng đều thể hiện bản chất giai cấp và bản chất xã hội

Câu 7: Bản chất giai cấp của nhà nước được thể hiện:

- A. Nhà nước là công cụ sắc bén nhất để quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- B. Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác
- C. Nhà nước là công cụ để bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 8: Bản chất xã hội của nhà nước được thể hiện:

- A. Nhà nước là công cụ sắc bén để duy trì sự thống trị giai cấp
- B. Nhà nước là công cụ của đa số nhân dân lao động sử dụng để trấn áp lại thiểu số giai cấp bóc lột đã bị lật đổ cùng với bọn tội phạm phản động
- C. Nhà nước là bộ máy nhằm bảo đảm trật tự an toàn xã hội và đảm đương các công việc chung của xã hội
- D. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay giai cấp cầm quyền

Câu 9: Nhà nước nào cũng có chức năng:

- A. Bảo đảm trật tự an toàn xã hội
- B. Tổ chức và quản lý nền kinh tế
- C. Đồi nội và đồi ngoại
- D. Thiết lập mối quan hệ ngoại giao

Câu 10: Khi nghiên cứu về chức năng của nhà nước, thì sau đây là sai?

- A. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại là quan trọng như nhau
- B. Chức năng đối nội của nhà nước là cơ sở cho việc thực hiện chức năng đối ngoại
- C. Kết quả của việc thực hiện chức năng đối ngoại có tác động đến việc thực hiện chức năng đối nội
- D. Chức năng đối nội có vai trò quan trọng hơn chức năng đối ngoại

Câu 11: Tổ chức nào dưới đây có quyền lực công:

- A. Các tổ chức phi chính phủ
- B. Các Tổng công ty
- C. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
- D. Nhà nước

Câu 12: Hình thức Nhà nước Việt Nam được gốc độ chính thể:

- A. Hình thức chính thể cộng hòa dân chủ tư sản
- B. Hình thức chính thể quân chủ hạn chế
- C. Hình thức chính thể cộng hòa lưỡng tính
- D. Hình thức chính thể cộng hòa dân chủ

Câu 13: Chế độ chính trị của nhà nước Việt Nam là chế độ:

- A. Dân chủ chủ nghĩa
- B. Dân chủ quý tộc
- C. Dân chủ tư sản
- D. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

Câu 14: “Nhà nước là một bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác” là định nghĩa của?

- A. C. Mác
- B. Angghen
- C. Lê nin
- D. Hồ Chí Minh

Câu 15: Nhà nước nào dưới đây là nhà nước liên bang?

- A. Việt Nam
- B. Trung Quốc
- C. Pháp
- D. Ấn Độ

Câu 16: Nhà nước nào dưới đây là nhà nước đơn nhất?

- A. Đức
- B. Australia
- C. Singapore
- D. Na Uy

Câu 17: Nhà nước nào dưới đây không thuộc kiểu nhà nước Xã hội chủ nghĩa?

- A. Việt Nam
- B. Trung Quốc
- C. Campuchia
- D. Cuba

Câu 18: Chế độ phản dân chủ là

- A. Nhà nước độc tài
- B. Vi phạm các quyền tự do của nhân dân
- C. Vi phạm các quyền dân chủ của nhân dân
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 19: Hình thức chính thể quân chủ hạn chế còn có tên gọi khác là:

- A. Hình thức chính thể quân chủ chuyên chế
- B. Hình thức chính thể quân chủ lập hiến
- C. Hình thức chính thể quân chủ đại nghị
- D. Cả câu B và C đều đúng

Câu 20: Quyền lực của Vua trong hình thức chính thể quân chủ tuyệt đối luôn:

- A. Bị hạn chế
- B. Vô hạn
- C. Cả A và B đều sai
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 21: Chính thể cộng hòa đại nghị còn được gọi là:

- A. Chính thể cộng hòa nghị viện
- B. Chính thể cộng hòa tổng thống
- C. Chính thể cộng hòa lưỡng tính
- D. Chính thể quân chủ đại nghị

Câu 22: Việt Nam có quan hệ ngoại giao với các khu vực:

- A. Châu Á Thái Bình Dương – Châu Âu – Châu Mỹ
- B. Châu Phi – Trung Đông
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 23: Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được bầu bởi:

- A. Mọi công dân Việt Nam
- B. Công nhân Việt Nam 18 tuổi trở lên
- C. Công dân Việt Nam từ 21 trở lên
- D. Công dân Việt Nam và người không có quốc tịch

Câu 24: Một trong những bản chất của nhà nước là:

- A. Nhà nước có chủ quyền quốc gia
- B. Tính xã hội
- C. Đặt ra thuế và thu thuế dưới hình thức bắt buộc
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 25: Cơ quan nhà nước nào sau đây có vai trò tổ chức thực hiện pháp luật trên thực tế.

- A. Chính phủ
- B. Cơ quan đại diện
- C. Toà án
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 26: Quyền công tố trước toà là:

- A. Quyền truy tố cá nhân, tổ chức ra trước pháp luật
- B. Quyền khiếu nại tố cáo của nhân dân
- C. Quyền xác định tội phạm
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 27: Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc nào:

- A. Tập trung dân chủ; Pháp chế XHCN; Đảm bảo sự lãnh đạo của ĐCS
- B. Quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp
- C. Đảm bảo sự tham gia đông đảo của nhân dân vào tổ chức và hoạt động của nhà nước.
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 28: Khi nghiên cứu về bộ máy nhà nước Việt Nam thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Chính phủ có quyền giám sát toàn bộ hoạt động của nhà nước
- B. Quốc hội là cơ quan nắm giữ và thực hiện cả ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp
- C. Hội đồng nhân dân do nhân dân trực tiếp bầu ra
- D. Ủy ban nhân dân do nhân dân trực tiếp bầu ra

Câu 29: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì:

- A. Quốc hội có quyền ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật
- B. Chính phủ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất
- C. Chính phủ là cơ quan chấp hành và điều hành
- D. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, đại diện cho nhân dân ở địa phương

Câu 30: Việc thực hiện quyền lực trong nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự:

- A. Phân chia quyền lực
- B. Phân công, phân nhiệm và phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước
- C. Ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được giao tách bạch cho 3 cơ quan Quốc hội, Chính phủ và Tòa án
- D. Tập trung quyền lực vào Quốc hội và Chính phủ

Câu 31: Cơ quan thường trực của Quốc hội nước ta là:

- A. Ủy ban Quốc hội
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Ủy ban kinh tế và ngân sách
- D. Ủy ban đối nội và đối ngoại

Câu 32: Việc tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta được thể hiện:

- A. Quyền lực nhà nước thuộc về cơ quan cấp cao, do nhân dân bầu ra theo nhiệm kỳ
- B. Quyền lực nhà nước thuộc về người đứng đầu nhà nước
- C. Quyền lực nhà nước tập trung toàn bộ hay một phần vào tay người đứng đầu nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 33: Bộ máy nhà nước nói chung thường có mấy hệ thống cơ quan:

- A. Một hệ thống cơ quan
- B. Hai hệ thống cơ quan
- C. Ba hệ thống cơ quan
- D. Bốn hệ thống cơ quan

Câu 34: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có chủ quyền quốc gia khi nào?

- A. Năm 1930
- B. Năm 1945
- C. Năm 1954
- D. Năm 1975

Câu 35: Việc tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam theo nguyên tắc nào?

- A. Phân quyền
- B. Tập quyền XHCN
- C. Tam quyền phân lập
- D. Quyền lực nhà nước tập trung thống nhất vào Quốc hội và Chính phủ

Câu 36: Bản chất Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện:

- A. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
- B. Là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- C. Nhân dân được kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 37: Chức năng đối nội của Nhà nước Việt Nam được thể hiện:

- A. Gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực
- B. Tổ chức và quản lý nền kinh tế, thiết lập quan hệ đối ngoại
- C. Tổ chức và quản lý các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- D. Bao gồm cả A, B, C

Câu 38: Bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có các loại cơ quan?

- A. Cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp
- B. Cơ quan Quốc hội, cơ quan Chính phủ, cơ quan xét xử
- C. Cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan xét xử, cơ quan Kiểm sát
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 39: Trong bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì Quốc hội là:

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất
- B. Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân
- C.

- C. Cơ quan có quyền lập hiến, lập pháp
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 40: Hình thức cấu trúc lãnh thổ của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

- A. Nhà nước đơn nhất
- B. Nhà nước liên bang
- C. Nhà nước liên minh
- D. Nhà nước tự trị

Câu 41: Hình thức chính thể của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

- A. Quân chủ
- B. Cộng hòa
- C. Cộng hòa dân chủ
- D. Quân chủ đại nghị

Câu 42: Chủ tịch nước ta có quyền:

- A. Quyết định mọi vấn đề quan trọng của đất nước
- B. Lập hiến và lập pháp
- C. Thay mặt nhà nước để quyết định mọi vấn đề đối nội và đối ngoại
- D. Công bố Hiến pháp, luật và pháp lệnh

Câu 43: Hội đồng nhân dân các cấp là:

- A. Do Quốc hội bầu ra
- B. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
- C. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
- D. Cơ quan chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên

Câu 44: Khi nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam, thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp
- B. Chính phủ là cơ quan hành pháp
- C. Viện Kiểm sát là cơ quan duy nhất có quyền truy tố người phạm tội
- D. Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử và thi hành án

Câu 45: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì Ủy ban nhân dân các cấp là:

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
- B. Cơ quan đại diện cho y chí của nhân dân ở địa phương
- C. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
- D. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, đại diện cho nhân dân ở địa phương

Câu 46: Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thuộc:

- A. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước
- B. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước
- C. Hệ thống cơ quan xét xử
- D. Hệ thống cơ quan Kiểm sát

Câu 47: Cơ quan nào trong bộ máy nhà nước Việt Nam có quyền hành pháp?

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Toà án
- D. Viện Kiểm sát

Câu 48: Cơ quan nào trong bộ máy nhà nước Việt Nam có quyền tư pháp?

- A. Quốc hội và Tòa án
- B. Tòa án và Viện Kiểm sát
- C. Quốc hội và Chính phủ
- D. Chính phủ và Viện Kiểm sát

Câu 49: Bộ Công thương là cơ quan trực thuộc:

- A. Quốc hội

This document is available free of charge on

- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Chính phủ
- D. Cơ quan quyền lực nhà nước

Câu 50: Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước Việt Nam là:

- A. Do Chính phủ bầu ra
- B. Do nhân dân địa phương bầu ra
- C. Do Quốc hội bầu ra
- D. Do Ủy ban nhân dân bầu ra

Câu 51: Ủy Ban nhân dân các cấp trong bộ máy nhà nước Việt Nam là:

- A. Do Chính phủ bầu ra
- B. Do nhân dân địa phương bầu ra
- C. Do Quốc hội bầu ra
- D. Do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra

Câu 52: Ủy ban nhân dân trong bộ máy nhà nước Việt Nam là cơ quan thuộc:

- A. Hệ thống cơ quan Quyền lực nhà nước
- B. Hệ thống cơ quan Hành chính nhà nước
- C. Hệ thống cơ quan Xét xử
- D. Hệ thống cơ quan Kiểm sát

Câu 53: Quốc hội khóa XII của nhà nước ta có nhiệm kỳ:

- A. 2 năm
- B. 3 năm
- C. 4 năm
- D. 5 năm

Câu 54: Chủ tịch nước Việt Nam hiện nay là người đứng đầu:

- A. Chính phủ
- B. Quốc hội
- C. Nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 55: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay, Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước CHXHCN. Việt Nam về ...

- A. Điều hành mọi hoạt động của đất nước
- B. Quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước
- C. Đối nội và đối ngoại
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 56: Nguyên nhân ra đời của nhà nước và pháp luật là:

- A. Hoàn toàn giống nhau
- B. Hoàn toàn khác nhau
- C. Do nhu cầu chủ quan của xã hội
- D. Do nhu cầu khách quan của xã hội

Câu 57: Nhà nước có những biện pháp nào nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật?

- A. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng
- B. Dưa kiến thức pháp luật vào chương trình giảng dạy trong trường học
- C. Dưa các văn bản pháp luật lên mạng Internet để mọi người cùng tìm hiểu
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 58: Pháp luật xuất hiện là do:

- A. Xuất phát từ ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội
- B. Nhà nước tự đặt ra
- C. Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận
- D. Xuất phát từ những phong tục, tập quán, tín điều tôn giáo trong xã hội

Câu 59: Pháp luật có thuộc tính cơ bản là:

- A. Tính cưỡng chế

- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức
- C. Tính quy phạm và phổ biến
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 60: Pháp luật có mấy thuộc tính cơ bản ?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 61: Tính cưỡng chế của pháp luật được thể hiện:

- A. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử phạt hành chính
- B. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng hình phạt
- C. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý kỷ luật
- D. Những hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài

Câu 62: Những quy phạm xã hội tồn tại trong chế độ Cộng Sản nguyên thủy là:

- A. Đạo đức
- B. Tập quán
- C. Tín điều tôn giáo
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 63: Đáp án nào sau đây thể hiện vai trò của pháp luật?

- A. Là phương tiện để nhân dân phục vụ lợi ích cho riêng mình
- B. Là phương tiện để Nhà nước quản lí mọi mặt đời sống xã hội
- C. Là công cụ để Nhà nước cưỡng chế đối với mọi người trong xã hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 64: Quy phạm nào sau đây là quy phạm xã hội:

- A. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- B. Quy chế của Bộ Giáo dục –Đào tạo
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Điều lệ của Đảng Cộng Sản

Câu 65: Quy phạm nào sau đây là quy phạm pháp luật:

- A. Điều lệ của hội đồng hương
- B. Nghị quyết của Đảng Cộng Sản
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Điều lệ của Đảng Cộng Sản

Câu 66: Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Luật giáo dục
- B. Thông tư
- C. Nghị định
- D. Nghị quyết

Câu 67: Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây là loại văn bản luật?

- A. Bộ luật
- B. Hiến pháp
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 68: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là:

- A. Nghị định
- B. Chỉ thị
- C. Nghị quyết
- D. Thông tư

Câu 69: Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lí cao nhất là:

- A. Hiến pháp
- B. Luật hình sự

- C. Luật dân sự
- D. Luật hiến pháp

Câu 70: Văn bản luật là loại văn bản do:

- A. Quốc hội ban hành
- B. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành
- D. Chính phủ ban hành

Câu 71: Nhà nước và pháp luật là hai yếu tố đều thuộc

- A. Cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thương mại
- C. Quan hệ sản xuất thống trị
- D. Cả ba câu trên đều sai

Câu 72: Kiểu pháp luật phong kiến thể hiện ý chí của

- A. Giai cấp địa chủ
- B. Giai cấp thống trị
- C. Giai cấp phong kiến
- D. Cả ba câu trên đều đúng

Câu 73: Có bao nhiêu kiểu pháp luật đã và đang tồn tại?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 74: Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật. Trong lịch sử loài người đã có ... hình thức pháp luật, đó là ...

- A. 4 - tập quán pháp, tiền lệ pháp, điều lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật
- B. 3 - tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật
- C. 2 - tập quán pháp và văn bản quy phạm pháp luật
- D. 1 - văn bản quy phạm pháp luật

Câu 75: Tập quán pháp là:

- A. Biến đổi những tục lệ, tập quán có sẵn thành pháp luật
- B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật
- C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành quy phạm pháp luật
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 76: Hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất và được sử dụng nhiều trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến là:

- A. Tiền lệ pháp
- B. Điều lệ pháp
- C. Tập quán pháp
- D. Văn bản quy phạm pháp luật

Câu 77: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lenin về pháp luật thì:

- A. Pháp luật là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử
- B. Pháp luật là một hiện tượng xã hội
- C. Pháp luật là một hiện tượng tự nhiên
- D. Pháp luật là một hiện tượng tồn tại mãi mãi cùng với sự tồn tại của lịch sử xã hội loài người

Câu 78: Pháp luật là:

- A. Những quy định mang tính bắt buộc chung cho mọi người trong xã hội
- B. Những quy định mang tính cưỡng chế đối với các cơ quan, tổ chức trong xã hội
- C. Những quy định do cơ quan nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định
- D. Những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo đảm thực hiện

Câu 79: Khi nghiên cứu về bản chất của pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Pháp luật là ý chí giai cấp thống trị được đề lên thành luật
- B. Pháp luật bao giờ cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội
- C. Pháp luật là hiện tượng vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội
- D. Pháp luật vừa mang tính chủ quan lại vừa mang tính khách quan

Câu 80: Bản chất giai cấp của pháp luật được thể hiện:

- A. Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được đề lên thành luật
- B. Pháp luật chính là sự phản chiếu thực tại khách quan
- C. Pháp luật là công cụ hữu hiệu để tổ chức quản lý xã hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 81: Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Xuất phát từ ... cho nên bất cứ nhà nước nào cũng dùng pháp luật làm phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội.

- A. Tính cưỡng chế của pháp luật
- B. Tính quy phạm và phổ biến của pháp luật
- C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật
- D. Những thuộc tính cơ bản của pháp luật

Câu 82: Việc thực hiện pháp luật được đảm bảo bằng:

- A. Đường lối, chính sách của Nhà nước
- B. Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước
- C. Cưỡng chế nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 83: Pháp luật có chức năng:

- A. Là phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- B. Điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ xã hội chủ yếu
- C. Là cơ sở để hoàn thiện bộ máy nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 84: Vai trò của pháp luật được thể hiện:

- A. Là công cụ để nhà nước thực hiện sự cưỡng chế đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong xã hội
- B. Là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý xã hội
- C. Là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- D. Là công cụ để nhà nước thực hiện sự cưỡng chế đối với những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm

Câu 85: Pháp luật là phương tiện để:

- A. Bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- B. Nhà nước sử dụng làm công cụ chủ yếu quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- C. Hoàn thiện bộ máy nhà nước và tạo lập mối quan hệ ngoại giao
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 86: Pháp luật không tồn tại trong xã hội nào?

- A. Xã hội không có tư hữu
- B. Xã hội không có giai cấp
- C. Xã hội không có nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 87: Đáp án nào sau đây thể hiện thuộc tính của pháp luật?

- A. Tính chính xác
- B. Tính quy phạm và phổ biến
- C. Tính minh bạch
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 88: Khi nghiên cứu về các thuộc tính của pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài
- B. Việc tuân theo pháp luật thường phụ thuộc vào ý muốn của con người

- C. Pháp luật là thước đo cho hành vi xử sự của con người
- D. Pháp luật và đạo đức điều mang tính quy phạm

Câu 89: Quy phạm pháp luật và quy phạm xã hội:

- A. Hoàn toàn giống nhau
- B. Hoàn toàn khác nhau
- C. Có điểm giống nhau và khác nhau
- D. Chỉ có điểm khác nhau, không có điểm giống nhau

Câu 90: Khi nghiên cứu về chức năng của pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Pháp luật là công cụ bảo vệ tất cả các mối quan hệ này sinh trong đời sống xã hội
- B. Pháp luật điều chỉnh tất cả các mối quan hệ này sinh trong đời sống xã hội
- C. Pháp luật nghiêm cấm những hành vi xâm hại, làm ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 91: Khi nghiên cứu về kiểu pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Tương ứng với 5 hình thái kinh tế - xã hội, thì có 5 kiểu pháp luật
- B. Tương ứng với mỗi chế độ xã hội thì có một kiểu pháp luật
- C. Tương ứng với mỗi kiểu nhà nước thì có một kiểu pháp luật
- D. Tương ứng với mỗi hình thái kinh tế - xã hội, thì có một kiểu pháp luật

Câu 92: Điểm giống nhau của các kiểu pháp luật trong lịch sử là:

- A. Đều mang tính đồng bộ
- B. Đều mang tính khách quan
- C. Đều thể hiện ý chí của giai cấp thống trị
- D. Đều thể hiện ý chí của nhân dân trong xã hội

Câu 93: Nhà nước và pháp luật có mối quan hệ:

- A. Là tiền đề
- B. Là cơ sở của nhau
- C. Cùng tác động đến nhau
- D. Các câu trên đều đúng

Câu 94: Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Kinh tế giữ vai trò quyết định đối với pháp luật
- B. Pháp luật không quan hệ gì với kinh tế
- C. Pháp luật luôn có sự tác động tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế
- D. Khi kinh tế có sự thay đổi, sẽ kéo theo sự thay đổi của pháp luật

Câu 95: Pháp luật và chính trị là hai hiện tượng do:

- A. Kiến trúc thượng tầng quyết định
- B. Cơ sở hạ tầng kinh tế của xã hội quyết định
- C. Nhà nước quyết định
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 96: Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Pháp luật và đạo đức đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng
- B. Pháp luật và đạo đức đều được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội
- C. Pháp luật và đạo đức đều là quy phạm có tác dụng điều chỉnh đến hành vi xử sự của con người trong xã hội
- D. Pháp luật và đạo đức đều được nhà nước sử dụng để điều chỉnh tất cả các quan hệ này sinh trong đời sống xã hội

Câu 97: Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Kiểu pháp luật là tổng thể các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của pháp luật trong ...

- A. Một nhà nước nhất định
- B. Trong một giai đoạn lịch sử nhất định

- C. Một chế độ xã hội nhất định
- D. Một hình thái kinh tế – xã hội nhất định

Câu 98: Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Hình thức ... do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, trong đó có những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

- A. Văn bản quy phạm pháp luật
- B. Tập quán pháp
- C. Tiền lệ pháp
- D. Án lệ pháp

Câu 99: Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật tiến bộ nhất vì:

- A. Được nhà nước thừa nhận từ một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội
- B. Luôn có tính rõ ràng, cụ thể, điều chỉnh được nhiều quan hệ xã hội trên các lĩnh vực khác nhau
- C. Ngày càng được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 100: Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng:

- A. Cùng phát sinh, tồn tại và tiêu vong
- B. Có nhiều nét tương đồng với nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau
- C. Cùng thuộc kiến trúc thượng tầng
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 101: Trong mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chúng ta thấy rằng:

- A. Pháp luật và kinh tế đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng
- B. Pháp luật giữ vai trò chủ đạo, quyết định đối với kinh tế
- C. Pháp luật vừa chịu sự tác động, chi phối của kinh tế; đồng thời lại vừa có sự tác động đến kinh tế rất mạnh mẽ
- D. Pháp luật và kinh tế có nhiều nét tương đồng với nhau

Câu 102: Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị được thể hiện:

- A. Pháp luật là linh hồn của đường lối chính trị
- B. Việc thực hiện pháp luật là thực tiễn để kiểm nghiệm về tính đúng đắn và hiệu quả của đường lối chính trị
- C. Việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng luôn phải dựa trên ý thức pháp luật của nhân dân
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 103: Pháp luật và đạo đức là hai hiện tượng:

- A. Đều mang tính quy phạm
- B. Đều mang tính bắt buộc chung
- C. Đều là quy phạm tồn tại ở dạng thành văn
- D. Đều do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận

Câu 104: Quy phạm nào sau đây là quy phạm xã hội:

- A. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- B. Quy chế của Bộ Giáo dục – Đào tạo
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Điều lệ của Đảng Cộng Sản

Câu 105: Quy phạm nào sau đây là quy phạm pháp luật:

- A. Điều lệ của hội đồng hương
- B. Nghị quyết của Đảng Cộng Sản
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Điều lệ của Đảng Cộng Sản

Câu 106: Luật giáo dục do cơ quan nào sau đây ban hành?

- A. Bộ Giáo dục, Đào tạo
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Chính phủ
- D. Quốc hội

Câu 107: Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Luật giáo dục
- B. Chỉ thị
- C. Nghị định
- D. Nghị quyết

Câu 108: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu: ... là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành.

- A. Pháp lệnh
- B. Quyết định
- C. Văn bản dưới luật
- D. Văn bản luật

Câu 109: Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây:

- A. Chỉ thị
- B. Thông tư
- C. Nghị định
- D. Quyết định

Câu 110: Văn bản quy phạm pháp luật có mấy loại:

- A. 3 loại là: Hiến pháp; Đạo luật, bộ luật; văn bản dưới luật
- B. 2 loại là: Văn bản luật; văn bản dưới luật
- C. 2 loại là: Văn bản luật; văn bản áp dụng pháp luật
- D. 1 loại là: bao gồm tất cả các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

Câu 111: Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây là loại văn bản luật?

- A. Luật, bộ luật
- B. Hiến pháp
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 112: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là:

- A. Nghị định
- B. Chỉ thị
- C. Nghị quyết
- D. Thông tư

Câu 113: Văn bản quy phạm pháp luật giá trị pháp lý cao nhất là:

- A. Hiến pháp
- B. Luật hình sự
- C. Luật dân sự
- D. Luật Hành chính

Câu 114: Văn bản luật là loại văn bản do:

- A. Quốc hội ban hành
- B. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành
- D. Chính phủ ban hành

Câu 115: Thực hiện pháp luật là:

- A. Hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật nhằm làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống.
- B. Hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật luôn có sự tham gia của nhà nước.
- C. Một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật.
- D. Quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật

Câu 116: Tuân thủ pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:

- A. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.
- B. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hành vi mà pháp luật ngăn cấm.

- C. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.
- D. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.

Câu 117: Thi hành pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:

- A. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.
- B. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.
- C. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm.
- D. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.

Câu 118: Sử dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:

- A. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.
- B. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.
- C. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.
- D. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm.

Câu 119: Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:

- A. Luôn luôn có sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- B. Nhà nước tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật
- C. Nhà nước bắt buộc các chủ thể pháp luật phải thực hiện những quy định của pháp luật.
- D. Các chủ thể pháp luật tự mình thực hiện những quy định của pháp luật.

Câu 120: Tìm đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do , xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

- A. Chủ thể có năng lực pháp luật thực hiện
- B. Chủ thể có năng lực hành vi thực hiện
- C. Chủ thể đủ 18 tuổi thực hiện
- D. Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện

Câu 121: Vi phạm pháp luật có mấy dấu hiệu cơ bản?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 122: Hành vi trái pháp luật nào sau đây là dạng hành vi không hành động?

- A. Xúi giục người khác trộm cắp tài sản
- B. Đe dọa giết người
- C. Không đóng thuế
- D. Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Câu 123: Hành vi nào sau đây là hành vi trái pháp luật?

- A. Hành vi vi phạm vào điều lệ Đảng
- B. Hành vi vi phạm vào điều lệ Đoàn
- C. Hút thuốc lá trong khuôn viên của trường Đại học Công nghiệp
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 124: Dấu hiệu của vi phạm pháp luật là:

- A. Hành vi xác định của con người
- B. Hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi đó
- C. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật có năng lực trách nhiệm pháp lý
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 125: Anh Nguyễn Văn A có hành vi cướp xe máy của chị Lê Thị B, vậy khách thể của hành vi vi phạm pháp luật trên là:

- A. Chiếc xe gắn máy
- B. Quyền sử dụng xe gắn máy của B
- C. Quyền định đoạt xe gắn máy của B
- D. Quyền sở hữu về tài sản của B

Câu 126: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật hình sự, vừa là vi phạm pháp luật hành chính

- B. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật hành chính, vừa là vi phạm pháp luật dân sự
- C. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật dân sự, vi phạm pháp luật hành chính, vi phạm kỉ luật
- D. Một hành vi có thể đồng thời vi phạm vào nhiều loại văn bản pháp luật khác nhau

Câu 127: Có mấy hình thức lỗi?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 128: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Vi phạm pháp luật là cơ sở của trách nhiệm pháp lý
- B. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý có tác dụng làm hạn chế vi phạm pháp luật
- C. Trách nhiệm pháp lý chỉ phát sinh trên cơ sở có vi phạm pháp luật
- D. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự

Câu 129: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm pháp lý hành chính
- B. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự
- C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm kỉ luật
- D. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng trách nhiệm pháp lý

Câu 130: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Mọi hành vi trái pháp luật đều xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ
- B. Mọi hành vi xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là hành vi vi phạm pháp luật
- C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều trái pháp luật
- D. Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật

Câu 131: Thông thường vi phạm pháp luật được phân thành các loại:

- A. Tội phạm và vi phạm pháp luật khác
- B. Vi phạm pháp luật hình sự; vi phạm pháp luật dân sự; vi phạm pháp luật hành chính và vi phạm kỉ luật
- C. Tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi
- D. Vi phạm luật tài chính, vi phạm luật đất đai, vi phạm luật lao động, vi phạm luật hôn nhân, gia đình

Câu 132: Có mấy loại vi phạm pháp luật?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 133: Hành vi trái pháp luật là:

- A. Không làm những việc mà pháp luật buộc phải làm
- B. Đã làm những việc mà pháp luật cấm
- C. Thực hiện hành vi vượt quá giới hạn pháp luật cho phép
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 134: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Một hành vi trái pháp luật thì bao giờ cũng xâm hại tới ...

- A. Quan hệ ngoại giao
- B. Quan hệ gia đình
- C. Quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ
- D. Mọi quan hệ trong đời sống xã hội

Câu 135: Vi phạm pháp luật là:

- A. Hành vi trái pháp luật, do con người thực hiện
- B. Chủ thể thực hiện hành vi đó phải có lỗi

- C. Chủ thể thực hiện hành vi đó phải có năng lực trách nhiệm pháp lý
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 136: Năng lực trách nhiệm pháp lý là:

- A. Khả năng của cá nhân thực hiện được những hành vi nhất định
- B. Khả năng của tổ chức thực hiện được những hành vi nhất định
- C. Khả năng của cá nhân, tổ chức phải gánh chịu trách nhiệm từ hành vi trái pháp luật và hậu quả từ hành vi đó
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 137: Hành vi nào sau đây là hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Vi phạm nội quy, quy chế trường học
- B. Vi phạm điều lệ Đảng
- C. Vi phạm điều lệ Đoàn thanh niên Cộng sản
- D. Vi phạm tín điều tôn giáo

Câu 138: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hành chính?

- A. Vượt đèn đỏ gây tai nạn nghiêm trọng
- B. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
- C. Đi vào đường cấm, đường ngược chiều
- D. Sử dụng tài liệu khi làm bài thi

Câu 139: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hình sự?

- A. Gây mất trật tự nơi công cộng
- B. Bán hàng lẩn chiếm lòng, lề đường
- C. Chống người thi hành công vụ
- D. Không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe gắn máy ở tuyến đường bắt buộc

Câu 140: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật dân sự?

- A. Xây dựng nhà trái phép
- B. Cướp giật tài sản
- C. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
- D. Sử dụng tác phẩm âm nhạc không xin phép tác giả

Câu 141: Hành vi nào sau đây là vi phạm kỷ luật?

- A. Vi phạm điều lệ đoàn thanh niên Cộng Sản
- B. Sử dụng trái phép chất ma túy
- C. Gây mất trật tự trong phòng thi
- D. Trộm tivi của người khác

Câu 142: Học sinh, sinh viên vi phạm vào nội quy, quy chế của trường học có phải là vi phạm pháp luật không?

- A. Phải
- B. Không phải
- C. Tùy vào từng trường hợp vi phạm cụ thể để xem xét có phải hay không
- D. Có thể là vi phạm pháp luật, có thể không phải

Câu 143: Hành vi gây mất trật tự trong lớp học, thuộc loại vi phạm nào sau đây?

- A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm hành chính
- C. Vi phạm kỷ luật
- D. Vi phạm dân sự

Câu 144: Trách nhiệm pháp lý là:

- A. Trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật đối với nhà nước
- B. Trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật đối với chủ thể bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại
- C. Việc nhà nước áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật
- D. Những hậu quả pháp lý bất lợi mà nhà nước áp dụng đối với chủ thể đã vi phạm pháp luật

Câu 145: Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý:

- A. Chỉ được áp dụng khi có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong xã hội
- B. Về hình thức là quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể vi phạm pháp luật thực hiện bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật
- C. Là quá trình nhà nước xử lý hành vi vi phạm pháp luật
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 146: Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là nhằm:

- A. Trừng phạt chủ thể đã có hành vi vi phạm pháp luật
- B. Cải tạo, giáo dục chủ thể đã có hành vi vi phạm pháp luật
- C. Phòng ngừa, nâng cao ý thức pháp luật đối với mọi người
- D. Trừng phạt, cải tạo, giáo dục chủ thể vi phạm pháp luật và phòng ngừa, nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người

Câu 147: Khi nghiên cứu về các nguyên tắc truy cứu trách nhiệm pháp lý thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Một hành vi vi phạm pháp luật cụ thể có thể áp dụng đồng thời trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.
- B. Một hành vi vi phạm pháp luật phải áp dụng nhiều loại trách nhiệm pháp lý
- C. Một hành vi vi phạm kỷ luật có thể áp dụng đồng thời trách nhiệm hành chính và trách nhiệm vật chất.
- D. Một hành vi vi phạm pháp luật chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý một lần

Câu 148: Có mấy loại trách nhiệm pháp lý?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 149: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống câu: Trách nhiệm pháp lý hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất, do ... áp dụng cho chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội

- A. Tòa án
- B. Viện Kiểm sát
- C. Công an
- D. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Câu 150: Thông thường trách nhiệm pháp lý được phân thành các loại nào?

- A. Trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý dân sự
- B. Trách nhiệm pháp lý hình sự; trách nhiệm pháp lý hành chính; trách nhiệm pháp lý dân sự và trách nhiệm kỷ luật
- C. Trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý hành chính
- D. Không thể xác định chính xác

Câu 151: Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự?

- A. Công an
- B. Chủ tịch Ủy Ban nhân dân
- C. Tòa án
- D. Viện Kiểm sát

Câu 152: Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hành chính?

- A. Các cơ quan quản lý nhà nước
- B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
- C. Tòa án
- D. Viện Kiểm sát

Câu 153: Người nào sau đây có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm kỉ luật?

- A. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, xí nghiệp ...
- B. Chủ tịch nước
- C. Thư ký Tòa án nhân dân
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 154: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Trách nhiệm pháp lý dân sự do áp

dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật dân sự

- A. Tòa án
- B. Viện Kiểm sát
- C. Công an
- D. Cơ quan có thẩm quyền

Câu 155: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: “Trách nhiệm pháp lý hành chính do áp dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật hành chính”.

- A. Tòa án
- B. Viện Kiểm sát
- C. Công an
- D. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

Câu 156: Hiến pháp là một đạo luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam vì:

- A. Do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành
- B. Quy định về những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của nhà nước
- C. Có giá trị pháp lý cao nhất
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 157: Điều 54 Hiến pháp nhà nước ta quy định độ tuổi để ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân là:

- A. Đủ 18 tuổi trở lên
- B. Đủ 19 tuổi trở lên
- C. Đủ 20 tuổi trở lên
- D. Đủ 21 tuổi trở lên

Câu 158: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong văn bản luật nào?

- A. Luật Hình sự
- B. Luật Dân sự
- C. Luật Lao động
- D. Luật Hiến pháp

Câu 159: Những quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong:

- A. Rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau
- B. Luật Dân sự
- C. Luật Lao động
- D. Hiến pháp

Câu 160: Điều 54 Hiến pháp nhà nước ta quy định công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào cơ quan nào sau đây?

- A. Chính phủ
- B. Quốc hội và Hội đồng nhân dân
- C. Ủy ban nhân dân các cấp
- D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương

Câu 161: Tiền lương là một chế định của ngành luật:

- A. Dân sự
- B. Hành chính
- C. Bảo hiểm xã hội
- D. Lao động

Câu 162: Theo quy định của Luật lao động thì có mấy loại hợp đồng lao động bằng văn bản:

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 163: Bảo hiểm tự nguyện có mấy chế độ?

- A. Ba
- B. Bốn

- C. Hai
- D. Sáu

Câu 164: Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là:

- A. Tự nguyện
- B. Thỏa thuận
- C. Bình đẳng
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 165: Hợp đồng lao động được quy định trong văn bản nào?

- A. Luật dân sự
- B. Luật lao động
- C. Luật doanh nghiệp
- D. Luật thương mại

Câu 166: Điều 32 Luật lao động quy định: tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc là:

- A. Ít nhất phải bằng 70% mức lương cấp bậc của công việc đó
- B. Ít nhất phải bằng 50% mức lương cấp bậc của công việc đó
- C. Ít nhất phải bằng 60% mức lương cấp bậc của công việc đó
- D. Ít nhất phải bằng 40% mức lương cấp bậc của công việc đó

Câu 167: Điều 32 Luật lao động quy định: thời gian thử việc là:

- A. Không được quá 90 ngày đối với lao động chuyên môn kĩ thuật cao
- B. Không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kĩ thuật cao
- C. Không được quá 60 ngày đối với lao động khác
- D. Không được quá 40 ngày đối với lao động khác

Câu 168: Điều 36, 37 Luật lao động quy định: đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi:

- A. Báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày
- B. Do ốm đau, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi
- C. Do tai nạn, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 169: Theo quy định của Luật lao động thì người lao động được nghỉ bao nhiêu ngày lễ, Tết trong năm:

- A. Tám ngày
- B. Chín ngày
- C. Mười ngày
- D. Nhà nước sẽ qui định số ngày nghỉ cho năm đó

Câu 170: Điều 157 Luật lao động quy định: tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và lợi ích phát sinh trong quan hệ lao động giữa:

- A. Người lao động với tập thể lao động
- B. Tổ chức Công đoàn với người sử dụng lao động
- C. Người lao động, tập thể lao động với người sử dụng lao động
- D. Người lao động, tập thể lao động với tổ chức Công đoàn

Câu 171: Khi nghiên cứu về quyền của người sử dụng lao động thì khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Được tuyên chọn người lao động, bố trí công việc theo quy định của pháp luật
- B. Được khen thưởng, xử lý người lao động vi phạm kỉ luật theo quy định của pháp luật
- C. Được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong mọi trường hợp
- D. Được cử đại diện để ký kết thỏa ước lao động tập thể

Câu 172: Người lao động có nghĩa vụ:

- A. Chấp hành đúng quy định về an toàn lao động
- B. Hoàn thành những công việc được giao trong mọi trường hợp
- C. Tuân theo sự điều động của người sử dụng lao động trong mọi trường hợp
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 173: Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:

- A. Thực hiện đúng hợp đồng lao động
- B. Bảo đảm an toàn lao động cho người lao động
- C. Tôn trọng nhân phẩm của người lao động
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 174: Nhà nước ta đã có những bản hiến pháp nào?

- A. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992
- B. Hiến pháp 1945 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992
- C. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992
- D. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 2001

Câu 175: Hiến pháp đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam hiện nay được ban hành năm nào?

- A. Năm 1980
- B. Năm 1959
- C. Năm 1992
- D. Năm 2001

Câu 176: Hiến pháp là một đạo luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam vì:

- A. Do Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành
- B. Quy định về những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của nhà nước
- C. Có giá trị pháp lý cao nhất
- D. Bao gồm cả A, B, C

Câu 177: Luật hiến pháp điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản nhất là:

- A. Chế độ chính trị
- B. Chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ...
- C. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 178: Hiến pháp được thông qua khi ít nhất có:

- A. Một phần hai tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành
- B. Hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành
- C. Ba phần tư tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành
- D. Một trăm phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành

Câu 179: Những chức danh nào sau đây bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội:

- A. Phó Thủ tướng Chính phủ
- B. Thủ tướng Chính phủ
- C. Bộ trưởng
- D. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Câu 180: Pháp luật Việt Nam quy định độ tuổi tối thiểu để bầu cử đại biểu Quốc hội là:

- A. 18
- B. 19
- C. 20
- D. 21

Câu 181: Hình phạt được quy định trong:

- A. Luật hành chính
- B. Luật hình sự
- C. Luật Tố tụng hình sự
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 182: Quyền nào sau đây không phải là quyền nhân thân quy định trong chương III Luật dân sự 2005?

- A. Quyền được thông tin
- B. Quyền xác định lại giới tính
- C. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm
- D. Quyền được khai sinh

This document is available free of charge on

Câu 183: Các hình thức giao kết hợp đồng dân sự là:

- A. Hợp đồng miệng
- B. Hợp đồng bằng văn bản
- C. Hợp đồng bằng văn bản có chứng thực
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 184: Hợp đồng nào sau đây không quy định trong luật dân sự?

- A. Hợp đồng thuê nhà
- B. Hợp đồng tặng cho tài sản
- C. Hợp đồng thương mại
- D. Hợp đồng hứa thưởng và thi có giải

Câu 185: Khi nghiên cứu về quyền định đoạt (quy định trong Luật dân sự) thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Người là chủ sở hữu thì có quyền định đoạt tài sản của mình
- B. Người không phải là chủ sở hữu thì không có quyền định đoạt tài sản theo ủy quyền của chủ sở hữu
- C. Người là chủ sở hữu được ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản của mình
- D. Chủ sở hữu giao cho người thân định đoạt tài sản thay mình

Câu 186: Việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân- gia đình được xác lập khi:

- A. Ủy Ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn
- B. Một trong hai bên kết hôn có thể ủy quyền cho nhau đăng ký kết hôn để đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền
- C. Quan hệ hôn nhân xác lập sau khi tổ chức tiệc cưới
- D. Tòa án nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ tiến hành đăng ký kết hôn

Câu 187: Khi tìm hiểu về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và các con, thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Con có bổn phận kính yêu, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, lắng nghe lời khuyên bảo của cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình
- B. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ
- C. Nghiêm cấm các con có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 188: Doanh nghiệp tư nhân là:

- A. Doanh nghiệp do nhiều cá nhân làm chủ
- B. Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm
- C. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp do mọi người tham gia vào doanh nghiệp quyết định
- D. Một cá nhân được quyền thành lập nhiều

Câu 189: Vi phạm hành chính là hành vi do:

- A. Cá nhân, tổ chức thực hiện
- B. Xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước
- C. Hành vi đó không phải là tội phạm
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 190: Luật hình sự điều chỉnh:

- A. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với người vi phạm pháp luật
- B. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội
- C. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với người thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự
- D. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với tổ chức phạm tội

Câu 191: Các dấu hiệu để phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác là:

- A. Tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội của hành vi
- B. Tính có lỗi của người thực hiện hành vi
- C. Tính phải chịu trách nhiệm pháp lý
- D. Xâm hại quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ

Câu 192: Chủ thể của tội phạm là:

- A. Chỉ có thể là tổ chức
- B. Chỉ có thể là cá nhân
- C. Có thể là tổ chức và cũng có thể là cá nhân
- D. Chỉ có thể là công dân Việt Nam

Câu 193: Theo Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, tội phạm được chia thành các loại:

- A. Tội ít nghiêm trọng; tội nghiêm trọng; tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng
- B. Tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng
- C. Tội ít nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng
- D. Tội không nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng

Câu 194: Theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam thì hệ thống hình phạt gồm:

- A. Hình phạt tù giam và các hình phạt khác
- B. Hình phạt cơ bản và hình phạt không cơ bản
- C. Hình phạt chủ yếu và hình phạt không chủ yếu
- D. Các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung

Câu 195: Mục đích của hình phạt trong luật hình sự Việt Nam hiện nay là:

- A. Trừng trị người phạm tội và đấu tranh phòng chống tội phạm
- B. Bắt người phạm tội bồi thường thiệt hại đã gây ra
- C. Trừng trị người phạm tội
- D. Giáo dục phòng ngừa chung

Câu 196: Khi một người bị coi là có tội khi:

- A. Bị cơ quan công an bắt theo lệnh bắt của Viện Kiểm sát
- B. Bị cơ quan công an khởi tố, điều tra về hành vi vi phạm pháp luật
- C. Bị Tòa án đưa ra xét xử công khai
- D. Bị Tòa án ra bản án kết tội có hiệu lực pháp luật

Câu 197: Khi nghiên cứu về tội phạm thì:

- A. Tội phạm là một hiện tượng mang tính tự nhiên
- B. Tội phạm là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử
- C. Tội phạm là một hiện tượng tồn tại vĩnh viễn
- D. Tội phạm là một hiện tượng mang tính bẩm sinh

Câu 198: Độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự là:

- A. Từ đủ 14 tuổi trở lên
- B. Từ đủ 15 tuổi trở lên
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên

Câu 199: Người từ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm:

- A. 15
- B. 16
- C. 17
- D. 18

Câu 200: Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là:

- A. Cơ quan điều tra – Tòa án – Cơ quan thi hành án
- B. Viện Kiểm sát – Tòa án – Cơ quan thi hành án
- C. Tòa án - Viện Kiểm sát – Cơ quan điều tra
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 201: Thủ tục tố tụng giải quyết một vụ án hình sự là:

- A. Khởi tố – điều tra – truy tố – xét xử – thi hành án hình sự
- B. Điều tra – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm
- C. Thủ lý vụ án – điều tra – xét xử – thi hành án
- D. Điều tra – truy tố – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm – xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

Câu 202: Bộ luật dân sự hiện hành của Việt Nam được ban hành năm nào?



- A. Năm 1995, có hiệu lực từ 1/7/1996
- B. Năm 2005, có hiệu lực từ 1/7/2006
- C. Năm 2005, có hiệu lực từ 1/1/2006
- D. Năm 1995, được sửa đổi bổ sung năm 2005

Câu 203: Luật dân sự điều chỉnh những quan hệ nào?

- A. Quan hệ nhân thân và quan hệ kinh tế
- B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản
- C. Quan hệ tài sản và quan hệ gia đình
- D. Tất cả các quan hệ xã hội có liên quan đến tài sản

Câu 204: Nội dung của quyền sở hữu bao gồm:

- A. Quyền chiếm hữu
- B. Quyền sử dụng
- C. Quyền định đoạt
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 205: Khách thể của quyền sở hữu bao gồm:

- A. Tài sản là vật có thực
- B. Tiền và giấy tờ trị giá được bằng tiền
- C. Các quyền về tài sản
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 206: Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự là:

- A. Tự do giao kết hợp đồng nhưng không trái pháp luật, đạo đức xã hội
- B. Tự nguyện, bình đẳng
- C. Không được vi phạm phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 207: Có mấy hình thức thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam:

- A. Diện những người thừa kế theo pháp luật bao gồm:
- B. Những người có tên trong nội dung của di chúc
- C. Những người theo thứ tự hàng thừa kế được quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự
- D. Vợ, chồng; cha, mẹ; các con; người giám hộ của người để lại di sản

Câu 208: Những người có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời với người để lại di sản, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, hình thức di chúc gồm các loại:

- A. Di chúc bằng miệng trong trường hợp một người bị cái chết đe dọa
- B. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng hoặc không có người làm chứng
- C. Di chúc bằng văn bản có công chứng hoặc có chứng thực
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 209: Độ tuổi kết hôn theo quy định của luật hôn nhân - gia đình là:

- A. Nữ từ 18 tuổi trở lên; nam từ 20 tuổi trở lên
- B. Công dân từ 18 tuổi trở lên
- C. Nam, nữ từ 20 tuổi trở lên
- D. Nam từ đủ 20 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi

Câu 210: Theo quy định của luật hôn nhân – gia đình thì những trường hợp nào sau đây không bị cấm kết hôn:

- A. Có quan hệ trong phạm vi ba đời, có cùng dòng máu về trực hệ
- B. Kết hôn với người bị nhiễm HIV/AIDS
- C. Người mất năng lực hành vi dân sự
- D. Những người cùng giới tính

Câu 211: Thủ tục kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân – gia đình Việt Nam là:

- A. Chỉ cần tổ chức tiệc cưới
- B. Phải đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân nơi bên nam thường trú
- C. Phải đăng ký kết hôn tại Tòa án
- D. Phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân nơi bên nam hoặc bên nữ thường trú

Câu 212: Khi nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng không có quyền yêu cầu chia tài sản
- B. Mọi tài sản có trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung của vợ, chồng
- C. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có quyền yêu cầu chia tài sản chung để tự kinh doanh riêng; thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng hoặc khi có lý do chính đáng khác
- D. Mọi tài sản có trước thời kỳ hôn nhân đều là tài sản riêng của vợ hoặc chồng

Câu 213: Khi tìm hiểu về quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Vợ, chồng có trách nhiệm ngang nhau đối với tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng
- B. Vợ chồng có quyền ủy quyền cho nhau trong mọi vấn đề
- C. Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng
- D. Khi ly hôn thì toàn bộ tài sản của vợ, chồng phải chia đôi

Câu 214: Năng lực hành vi đầy đủ của công dân khi tham gia quan hệ tố tụng dân sự là:

- A. Người không mắc bệnh tâm thần, chưa thành niên
- B. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 16 tuổi trở lên
- C. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 18 tuổi trở lên
- D. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 21 tuổi trở lên

Câu 215: Trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án dân sự nói chung là:

- A. Thủ lý vụ án – hòa giải – xét xử – thi hành án dân sự
- B. Xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm – xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm
- C. Hòa giải – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm
- D. Xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm

Câu 216: Luật lao động điều chỉnh mối quan hệ giữa:

- A. Người sử dụng lao động với cơ quan nhà nước
- B. Người làm công ăn lương với người sử dụng lao động
- C. Người lao động, người sử dụng lao động và tổ chức Công đoàn
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 217: Khi nghiên cứu về hợp đồng lao động, thì khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Hợp đồng lao động là căn cứ duy nhất điều chỉnh quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động
- B. Hợp đồng lao động chỉ có hiệu lực khi lập thành văn bản giữa người lao động và người sử dụng lao động
- C. Hợp đồng lao động có thời hạn là nhằm bảo vệ người lao động
- D. Hợp đồng lao động không có thời hạn có lợi cho người lao động nhất

Câu 218: Luật lao động quy định độ tuổi tối thiểu để tham gia quan hệ lao động là:

- A. Cá nhân từ 16 tuổi trở lên
- B. Cá nhân từ 15 tuổi trở lên
- C. Cá nhân từ 18 tuổi trở lên
- D. Cá nhân từ đủ 15 tuổi trở lên

Câu 219: Trong quan hệ lao động, tiền lương là dựa trên:

- A. Sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với quy định của pháp luật
- B. Sự đề nghị của người lao động
- C. Sự quyết định của người sử dụng lao động
- D. Căn cứ của pháp luật về mức lương căn bản và tối thiểu của xã hội

Câu 220: Điều 6 luật dạy nghề quy định có mấy trình độ đào tạo dạy nghề?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 221: Điều 4 luật dạy nghề quy định về mục tiêu dạy nghề

- A. Đào tạo nhân lực kỹ thuật cao, nhằm phục vụ cho sản xuất, dịch vụ
- B. Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ
- C. Tạo cho người học nghề có thu nhập để bảo đảm cuộc sống cho mình
- D. Tạo cho người học nghề có khả năng làm được mọi công việc theo yêu cầu

Câu 222: Điều 34 luật dạy nghề quy định về tuyển sinh học nghề là:

- A. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức thi tuyển
- B. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức xét tuyển
- C. Tuyển sinh học nghề chỉ được tuyển một lần trong năm
- D. Tuyển sinh cao đẳng nghề chỉ được thực hiện theo hình thức thi tuyển

Câu 223: Điều 35 luật dạy nghề quy định về hợp đồng dạy nghề:

- A. Hợp đồng dạy nghề là sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ giữa cơ sở dạy nghề với người học nghề
- B. Hợp đồng dạy nghề chỉ được giao kết bằng văn bản
- C. Hợp đồng dạy nghề không được giao kết bằng lời nói
- D. Cả A, B, C đều đúng

ĐÁP ÁN

1.	B	2.	B	3.	B	4.	B	5.	C	6.	D	7.	B	8.	C	9.	C	10.	D
11.	D	12.	D	13.	D	14.	C	15.	D	16.	C	17.	C	18.	D	19.	D	20.	B
21.	A	22.	C	23.	B	24.	B	25.	A	26.	A	27.	B	28.	C	29.	C	30.	B
31.	B	32.	A	33.	C	34.	B	35.	B	36.	D	37.	C	38.	C	39.	D	40.	A
41.	C	42.	D	43.	C	44.	D	45.	C	46.	B	47.	B	48.	B	49.	C	50.	B
51.	D	52.	B	53.	C	54.	C	55.	C	56.	A	57.	D	58.	C	59.	D	60.	B
61.	D	62.	D	63.	B	64.	D	65.	C	66.	B	67.	D	68.	C	69.	A	70.	A
71.	B	72.	D	73.	C	74.	B	75.	A	76.	C	77.	A	78.	D	79.	B	80.	A
81.	D	82.	D	83.	B	84.	C	85.	D	86.	D	87.	B	88.	B	89.	C	90.	D
91.	C	92.	C	93.	D	94.	B	95.	B	96.	D	97.	D	98.	A	99.	B	100.	D
101.	C	102.	B	103.	A	104.	D	105.	C	106.	D	107.	B	108.	D	109.	C	110.	B
111.	D	112.	C	113.	A	114.	A	115.	C	116.	B	117.	A	118.	A	119.	B	120.	D
121.	C	122.	C	123.	D	124.	D	125.	D	126.	A	127.	A	128.	D	129.	D	130.	C
131.	B	132.	C	133.	D	134.	C	135.	D	136.	C	137.	A	138.	C	139.	C	140.	D
141.	C	142.	A	143.	C	144.	D	145.	A	146.	D	147.	D	148.	C	149.	A	150.	B
151.	C	152.	A	153.	A	154.	A	155.	D	156.	D	157.	D	158.	D	159.	A	160.	B
161.	D	162.	B	163.	C	164.	D	165.	D	166.	A	167.	B	168.	D	169.	B	170.	C
171.	C	172.	A	173.	D	174.	C	175.	C	176.	D	177.	D	178.	B	179.	B	180.	A
181.	B	182.	A	183.	D	184.	C	185.	B	186.	A	187.	D	188.	B	189.	D	190.	C
191.	A	192.	B	193.	A	194.	D	195.	A	196.	D	197.	B	198.	A	199.	B	200.	C
201.	A	202.	C	203.	B	204.	D	205.	D	206.	D	207.	C	208.	D	209.	A	210.	B
211.	D	212.	C	213.	C	214.	C	215.	A	216.	D	217.	A	218.	D	219.	A	220.	B
221.	B	222.	B	223.	A														